

Bản án số 60/2025/HS-PT
Ngày 15 tháng 01 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Minh Hoàng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 550/2024/TLPT-HS ngày 18/10/2024 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2488/2024/QĐXXPT-HS ngày 24/12/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: **Trịnh Thị H**, sinh ngày 30/7/1985, tại: **thành phố T, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký thường trú: **ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh**; chỗ ở hiện nay: **Số C đường L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Văn T** và bà **Trịnh Thị H1**; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Vũ Minh T1** – Văn phòng Luật sư **Vũ Minh T1, đoàn Luật sư tỉnh Q**, có mặt.

Bị hại: bà **Lưu Thị Ngọc L**, sinh năm 1976; địa chỉ: **D đường D, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh**, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư **Nguyễn Thị Kiều D** - Văn phòng **L1, Đoàn Luật sư thành phố Đ**, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phạm Ngọc H2**, sinh năm 1976; địa chỉ: **C đường L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Đình D1**, sinh năm 1985; địa chỉ: **thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q tiếp nhận đơn tố giác của bà Lưu Thị Ngọc L có nội dung tố cáo Trịnh Thị H có hành vi gian dối để chiếm đoạt của bà L số tiền 4.795.900.000 đồng. Quá trình điều tra xác định được:

Vào năm 2008, do cùng buôn bán tại khu vực chợ P thuộc huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên Trịnh Thị H và bà Lưu Thị Ngọc L quen biết nhau. Đến năm 2021, H cùng gia đình chuyển về thành phố T, tỉnh Quảng Nam để sinh sống. Thời gian này, H có vay mượn tiền của một số người bên ngoài xã hội để kinh doanh nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc kinh doanh thất bại, dẫn đến nợ nần, không có khả năng trả nợ.

Để có tiền trả nợ và sử dụng vào các mục đích tiêu xài cá nhân, H nảy sinh ý định lợi dụng mối quan hệ quen biết trước đó và đưa ra nhiều lý do không có thật để bà L tin tưởng cho H vay mượn tiền. Trong thời gian từ ngày 09/02/2022 đến ngày 17/9/2022, H gọi điện nói với bà L nhiều lý do để vay mượn tiền như: giao cho người khác vay lại lấy lãi; chồng của H là Phạm Ngọc H2 được cha ruột cho một thửa đất tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên cần mượn tiền làm giấy tờ đất; đặt cọc tiền mua đất tại thành phố Đà Nẵng; người vay mượn tiền của H bị vỡ nợ, không có tiền trả lại cho H nên gán nợ bằng một chiếc xe ô tô nhưng do đã cầm cố giấy tờ xe nên cần mượn tiền đưa cho người này chuộc lại giấy tờ xe rồi mới cần trừ nợ được; khi bà L nói với H là không có tiền thì H nhờ bà L vay mượn giúp, H sẽ có trách nhiệm trả tiền lãi và gốc. Tin lời H là thật, bà L đã vay mượn tiền của nhiều người và chuyển tiền cho H nhiều lần. Mỗi lần vay tiền giúp H, bà L đều thông báo mức lãi suất mà những người cho vay đưa ra (từ 08%/tháng đến 30%/tháng) cho H, H đồng ý thì bà L mới vay. Để bà L tiếp tục vay mượn tiền đưa cho mình, H đã sử dụng chính số tiền bà L chuyển để trả một phần tiền lãi; sử dụng số điện thoại 0765.648.719 để giả mạo là Phùng Ngọc H3 nhắn tin trao đổi với bà L về việc làm thủ tục giấy tờ đất; mượn tài khoản Ngân hàng của nhiều người để nhận tiền từ bà L và nói với bà L đây là những người liên quan đến việc làm thủ tục giấy tờ đất.

Với thủ đoạn gian dối nêu trên, bà Lưu Thị Ngọc L đã tin tưởng vay mượn, chuyển tiền cho H nhiều lần. Bà L dùng tài khoản Ngân hàng Q, tài khoản Ngân hàng K số 19028160195013 của bà L, nhờ một số người (trong đó có chồng bà L) chuyển khoản giúp và qua dịch vụ chuyển tiền V để chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng P1 số 0101106012345678 của Trịnh Thị H và nhiều tài khoản Ngân hàng của nhiều người khác mà H mượn được. Trong các lần chuyển thì lần có số tiền nhỏ nhất là 300.000 đồng, số tiền lớn nhất là 220.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L đã chuyển cho H là 5.040.900.000 đồng. Sau khi nhận được tiền từ bà L, H không sử dụng vào các mục đích như đã nói với bà L mà chiếm đoạt để sử dụng vào việc trả nợ, tiêu xài cá nhân và trích ra một phần để trả lãi cho chính bà L. Đến nay, H không còn khả năng trả nợ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 12/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 89 và Điều 105 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo **Trịnh Thị H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo **Trịnh Thị H 12 (Mười hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 22/8/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Trịnh Thị H** phải hoàn trả cho bị hại **Lưu Thị Ngọc L** số tiền 4.261.200.000 (Bốn tỷ hai trăm sáu mươi một triệu hai trăm nghìn) đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo **Trịnh Thị H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại **Lưu Thị Ngọc L** kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo **H**, đề nghị xem xét hành vi đồng phạm của ông **Nguyễn Đình D1**, yêu cầu truy thu của ông **D1** 100 triệu đồng để trả lại bà **L** vì ông **D1** khai còn bớt lại không đưa cho **H** 100 triệu đồng sau khi lấy của bà **L** và đề nghị truy thu tài sản của vợ chồng bị cáo **H** ở thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường cho bà **L** và yêu cầu bị cáo **H** phải trả 4.940.900.000 đồng thay vì sơ thẩm buộc trả 4.261.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **H** giữ nguyên kháng cáo.

- Bị hại giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như kháng nghị của bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo **Trịnh Thị H** thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định đó là trong thời gian từ ngày 09/02/2022 đến ngày 17/9/2022, lợi dụng mối quan hệ quen biết với bị hại **Lưu Thị Ngọc L**, bị cáo **Trịnh Thị H** đã có hành vi đưa ra các thông tin gian dối như: cần tiền để đưa cho

người khác vay lại lấy lãi, làm hồ sơ giấy tờ đất, chuộc lại giấy tờ xe...vv để vay tiền rồi chiếm đoạt của bị hại **Lưu Thị Ngọc L** tổng số tiền là 5.040.900.000 đồng. Do bị cáo **H** thực hiện hành vi phạm tội trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hồ bị cáo **Trịnh Thị H** phạm vào “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là đúng tội, đúng khung hình phạt.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: bị cáo **Trịnh Thị H** nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội (*số tiền chiếm đoạt mỗi lần trên 2.000.000 đồng*) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo **H** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 100.000.000 đồng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo **Trịnh Thị H** chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có công với cách mạng (*có câu ruột được tặng Huân chương Chiến công hạng Nhì, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Ba*) và tại phiên tòa sơ thẩm bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về hình phạt: khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, xét bị cáo **H** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có nộp khắc phục hậu quả thêm 20 triệu đồng, nhưng xét số tiền bị cáo còn phải bồi thường 4.261.200.000 đồng nên không giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cũng như không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại.

[3] Xét kháng cáo của bị hại đề nghị xem xét hành vi đồng phạm của ông **Nguyễn Đình D1**, yêu cầu truy thu của ông **D1** 100 triệu đồng để trả lại bà **L** vì ông **D1** khai còn bớt lại không đưa cho **H** 100 triệu đồng sau khi lấy của bà **L** và đề nghị truy thu tài sản của vợ chồng bị cáo **H** ở Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường cho bà **L** và yêu cầu bị cáo **H** phải trả 4.940.900.000 đồng thay vì sơ thẩm buộc trả 4.261.200.000 đồng, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[3.1] Ông **Nguyễn Đình D1** là một trong số những người cho bị cáo **H** mượn tài khoản để nhận tiền của bị hại **Lưu Thị Ngọc L** chuyển đến, ông **D1** không biết bà **L** chuyển tiền vào tài khoản của ông **D1** cho bị cáo **H** để làm gì, bị cáo **H** không hứa hẹn cho ông **D1** hưởng bất kỳ lợi ích nào từ việc nhận tiền giúp và tại phiên tòa bị hại **L** cũng thừa nhận chuyển tiền vào tài khoản của ông **D1** do bị **H** lừa đảo yêu cầu chuyển vào chứ không phải chuyển do bị ông **D1** lừa; do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo về vấn đề này của bà **L**.

[3.2] Đối với việc ông **D1** giữ lại số tiền 100 triệu đồng sau khi nhận chuyển khoản từ bị hại **L** mà chưa chuyển ngay cho bị cáo **H** thì tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 2130) vợ chồng bị cáo **H** và ông **D1** đều trình bày đây là tiền vợ chồng bị cáo

H cho ông D1 vay, sau đó ông D1 đã trả đủ cho vợ chồng bị cáo H; do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại L yêu cầu ông D1 phải trả bị hại L 100 triệu đồng.

[3.3] Bị cáo Trịnh Thị H đưa ra thông tin gian dối để bị hại tin tưởng cho H vay 5.040.900.000 đồng rồi chiếm đoạt, bị cáo H đã trả lãi cho bị hại L 679.700.000 đồng và trong giai đoạn điều tra, bị cáo H đã trả cho bị hại L 100.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo H phải bồi thường cho bị hại L 4.261.200.000 đồng ($5.040.900.000 \text{ đồng} - 679.700.000 \text{ đồng} - 100.000.000 \text{ đồng} = 4.261.200.000 \text{ đồng}$) là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bà L yêu cầu bị cáo H phải trả 4.940.900.000 đồng.

[3.4] Đối với đề nghị của bị hại L yêu cầu truy thu tài sản của vợ chồng bị cáo H ở thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường thì vấn đề này sẽ được xem xét trong quá trình thi hành án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Bị cáo H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 89 và Điều 105 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị H 12 (mười hai) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2023.

Buộc bị cáo Trịnh Thị H phải trả bị hại Lưu Thị Ngọc L 4.261.200.000 (bốn tỷ hai trăm sáu mươi một triệu hai trăm nghìn) đồng; được trừ số tiền 20.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0000867 ngày 12/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Trịnh Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

Đã ký

Đặng Kim Nhân